

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/NQ-CP

*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2010***NGHỊ QUYẾT****Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm xây dựng văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các thủ tục hành chính theo đúng Phương án đơn giản hóa đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Ngoại giao chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ

trưởng Bộ Ngoại giao áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét quyết định.

Điều 4. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NGOẠI GIAO

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)*

I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Cấp hộ chiếu ngoại giao tại các cơ quan ở trong nước - B-BNG-075333-TT

a) Về đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao:

Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP như sau: Tổng Cục trưởng và cấp tương đương (có hệ số chức vụ từ 1,25 trở lên); sĩ quan có cấp hàm từ Thiếu tướng, Chuẩn đô đốc Hải quân trở lên đang phục vụ trong Quân đội nhân dân và công an nhân dân;

b) Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng danh sách các cơ quan nhà nước tương đương cấp Tổng cục để thuận tiện cho việc xét cấp hộ chiếu ngoại giao;

c) Bổ sung thêm đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao:

Bổ sung khoản 1 điều 6 của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP như sau: Trợ lý của Ủy viên Bộ Chính trị;

d) Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy chế quản lý và sử dụng Hộ chiếu ngoại giao, công vụ ở trong nước và ở nước ngoài;

đ) Bổ sung quy định về thời hạn của hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cấp cho con của cán bộ, công chức được cử đi công tác ở nước ngoài tại điều 5 của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP như sau: “4. Hộ chiếu ngoại giao cấp cho con dưới 18 tuổi của những người thuộc diện quy định tại khoản 9 Điều 6 và hộ chiếu công vụ cấp cho con dưới 18 tuổi của những người thuộc diện quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này có thời hạn đến khi người con đó đủ 18 tuổi nhưng có thời hạn ít nhất 1 năm kể từ ngày cấp và không được gia hạn”. Sửa từ “trẻ em” dưới 18 tuổi thành “con” dưới 18 tuổi và “trẻ em đó” thành “người con đó” tại mục 2 phần II Thông tư số 02/2008/TT-BNG;

e) Bổ sung mẫu “Văn bản cử hoặc cho phép cán bộ công chức ra nước ngoài” để sử dụng thống nhất cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền cử hoặc cho phép cán bộ, công chức ra nước ngoài;

g) Quy định Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ như sau:

- Thay thế mẫu Tờ khai hiện nay bằng mẫu Tờ khai chi phục vụ cho việc cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, trong đó bỏ các mục: nghề nghiệp, mục đích chuyến đi, số thứ tự, dự định xuất cảnh ngày, thời gian làm việc ở nước ngoài số quyết định, họ tên người ký văn bản;

- Bỏ quy định xác nhận của Công an phường, xã nơi cư trú trên Tờ khai của người đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (đối với trẻ em đi theo hoặc người ngoài biên chế). Cơ quan quản lý hồ sơ của cán bộ cho phép vợ hoặc chồng, con được đi thăm, đi theo xác nhận vào Tờ khai;

- Bổ sung quy định việc Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu không cần phải xác nhận trong trường hợp cơ quan cấp hộ chiếu đã biết rõ về người đề nghị cấp hộ chiếu như sau: “Trong trường hợp người đề nghị nộp kèm theo hồ sơ hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng mà không có sự thay đổi về cơ quan công tác cũng như cơ quan cấp hộ chiếu ngoại giao hoặc công vụ trước đó thì Tờ khai không cần phải có xác nhận của cơ quan chủ quản”.

h) Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định xác nhận của người giám hộ và xuất trình quyết định công nhận giám hộ đối với trẻ em đi thăm, đi theo;

i) Bổ sung quy định về việc hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ phải xuất trình là hộ chiếu đã được cấp trong thời hạn 8 năm (hộ chiếu có giá trị 5 năm và được gia hạn 3 năm);

k) Về thời hạn giải quyết:

- Thời hạn giải quyết đối với hồ sơ thông thường nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện là không quá 05 ngày làm việc (giữ nguyên);

- Thời hạn giải quyết đối với hồ sơ đã được chấp thuận khi khai báo trực tuyến qua internet là 01 ngày (có thể lấy trong ngày) hoặc từ 01 đến 05 ngày làm việc đối với đoàn có số lượng từ 50 người trở lên.

2. Cấp hộ chiếu công vụ tại các cơ quan ở trong nước - B-BNG-075348-TT

a) Áp dụng các nội dung sửa đổi, bổ sung như đã nêu tại các điểm từ đ) đến k) của thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao trên đây;

b) Quy định rõ đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ là cán bộ, công chức theo Luật Cán bộ, công chức 2008 và Nghị định số 06/2010/NĐ-CP (loại bỏ đối tượng là viên chức).

3. Cấp lại hộ chiếu ngoại giao do làm hỏng, mất - B-BNG-075359-TT

a) Áp dụng các nội dung đơn giản hóa như đối với thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao;

b) Ban hành mẫu văn bản thông báo mất hộ chiếu và bổ sung quy định hộ chiếu ngoại giao bị mất phải thông báo cho các cơ quan chức năng là loại hộ chiếu ngoại giao được cấp trong thời hạn 8 năm hoặc hộ chiếu công vụ được cấp trong thời hạn 10 năm và người ký văn bản là cấp có thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP.

4. Cấp lại hộ chiếu công vụ do làm hỏng, mất - B-BNG-075366-TT

a) Áp dụng các nội dung đơn giản hóa như đối với thủ tục cấp hộ chiếu công vụ;

b) Ban hành mẫu văn bản thông báo mất hộ chiếu và bổ sung quy định hộ chiếu công vụ bị mất phải thông báo cho các cơ quan chức năng là loại hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ được cấp trong thời hạn 8 năm và người ký văn bản là cấp có thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP.

5. Nhóm các thủ tục: Gia hạn hộ chiếu ngoại giao - B-BNG-075370-TT; Gia hạn hộ chiếu công vụ - B-BNG-075373-TT

a) Sửa đổi quy định về việc hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị 30 ngày mới được gia hạn theo hướng như sau: “Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng dưới 6 tháng thì người được cấp hộ chiếu có thể đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hộ chiếu hết hạn thì phải làm thủ tục cấp hộ chiếu mới”;

b) Bỏ Tờ khai đề nghị gia hạn hộ chiếu.

6. Nhóm các thủ tục: Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao - B-BNG-075374-TT; Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu công vụ - B-BNG-075375-TT

a) Quy định mẫu Tờ khai đề nghị sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (bao gồm cả việc bổ sung trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu). Nội dung Tờ khai chỉ bao gồm những thông tin thật cần thiết phục vụ cho công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ, bỏ quy định phải có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp vì việc này đã được thể hiện qua văn bản đề nghị của cấp có thẩm quyền;

b) Bỏ quy định xuất trình quyết định công nhận giám hộ (nếu có) đối với trẻ em đi thăm, đi theo.

7. Cấp công hàm để xin thị thực nước ngoài tại các cơ quan ở trong nước - B-BNG-075376-TT

- Bổ sung quy định về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết đối với việc cấp công hàm xin thị thực nước ngoài trong Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 136/2007/NĐ-CP.

8. Nhóm các thủ tục: Hợp pháp hóa lãnh sự, Chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước - B-BNG-075408-TT; Hợp pháp hóa lãnh sự, Chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu ở cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-078632-TT

a) Thay thế thủ tục hành chính được quy định trong Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ ngoại giao bằng thủ tục hành chính về Hợp pháp hóa lãnh sự và Chứng nhận lãnh sự được quy định trong Nghị định của Chính phủ về Hợp pháp hóa lãnh sự và Chứng nhận lãnh sự theo các tiêu chí sau:

- Phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam, tiếp cận với quy định pháp luật và thực tiễn quốc tế, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan, trình tự thủ tục rõ ràng;

- Các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính sẽ được nghiên cứu sửa đổi theo hướng đơn giản hóa và ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định của Bộ Ngoại giao;

- Bổ sung quy định về việc nhận giải quyết hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự và trả kết quả qua đường bưu điện;

- Bổ quy định việc hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự bao hàm cả chứng thực về nội dung.

b) Quy định rõ trong Nghị định của Chính phủ về Hợp pháp hóa và Chứng nhận lãnh sự các nội dung sau:

- Khái niệm về hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự như quy định trong khoản 8 Điều 8 Luật CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI số 33/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2009 và có hiệu lực từ ngày 02/9/2009. (Hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu của nước ngoài được cơ quan hoặc người có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận công chứng, chứng thực để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam; chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu được cơ quan hoặc người có thẩm quyền của Việt Nam công chứng, chứng thực để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại quốc gia tiếp nhận);

- Phân định trách nhiệm của cá nhân và cơ quan nhà nước đối với các loại giấy tờ, tài liệu được hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự: “Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự trên cơ sở đối chiếu chữ ký, con dấu trên giấy tờ, tài liệu với mẫu chữ ký, con dấu của

người và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và Việt Nam đã được chính thức thông báo và không chịu trách nhiệm về mục đích sử dụng của giấy tờ, tài liệu được hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự”. Qua đó, bỏ yêu cầu xuất trình giấy ủy nhiệm đối với người làm thay và khai báo mục đích sử dụng giấy tờ tài liệu khi người dân có yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự;

- Cơ quan cấp giấy tờ, tài liệu cho công dân chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và thể thức phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

- Công dân được cấp giấy tờ, tài liệu chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng giấy tờ, tài liệu đề nghị hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự;

- Thay mẫu “Phiếu đề nghị” bằng việc ban hành mẫu “Tờ khai nộp hồ sơ hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự”. Nội dung mẫu Tờ khai chỉ cần nêu thông tin của người nộp hồ sơ (họ tên, số CMND hoặc hộ chiếu, địa chỉ liên hệ) và số lượng, chủng loại giấy tờ nộp cho cơ quan thực hiện việc hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự;

- Bỏ yêu cầu điều kiện về việc giải thích hoặc xuất trình giấy tờ khác để chứng minh mục đích sử dụng của giấy tờ, tài liệu được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc chứng nhận lãnh sự;

- Bỏ yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ tùy thân (chỉ cần xuất trình bản chính để đối chiếu với Tờ khai khi nộp hồ sơ).

- Sửa đổi quy định về mức thu lệ phí ở trong nước: áp dụng một mức lệ phí chung là 30.000 VND cho tất cả các mẫu hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu.

9. Cấp lại bản chính giấy khai sinh đã đăng ký tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà sổ hộ tịch đã chuyển lưu tại Cục Lãnh sự - B-BNG-075432-TT

a) Bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và Tờ khai;

b) Quy định về việc cấp bản sao giấy tờ hộ tịch qua đường bưu điện như: Hồ sơ gửi qua đường bưu điện cần có Tờ khai, lệ phí cấp giấy tờ theo quy định và lệ phí gửi trả giấy tờ được cấp, có gửi kèm phong bì ghi rõ địa chỉ nơi nhận để cơ quan cấp giấy tờ gửi trả kết quả;

c) Quy định trong trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ gốc hộ tịch thì điện xác minh với cơ quan đại diện để có cơ sở cấp lại bản chính giấy khai sinh cho công dân;

d) Quy định thời hạn xử lý: Trường hợp Cục Lãnh sự đã nhận được sổ hộ tịch gốc và hồ sơ đầy đủ hoặc đương sự còn bản sao giấy khai sinh thì không cần các giấy tờ khác và giải quyết ngay trong ngày; Trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ hộ tịch gốc thì thời hạn xử lý là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp người đến nộp hồ sơ xuất trình giấy tờ chứng minh được mối quan hệ là bố mẹ, vợ chồng, con, anh chị em ruột thì không cần giấy ủy quyền.

10. Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đã đăng ký tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà sổ hộ tịch đã chuyển lưu tại Cục Lãnh sự - B-BNG-044440-TT

a) Bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết và Tờ khai (chỉ cần thiết trong trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện);

b) Quy định về việc cấp bản sao giấy tờ hộ tịch qua đường bưu điện như: Hồ sơ gửi qua đường bưu điện cần có Tờ khai, lệ phí cấp giấy tờ theo quy định và lệ phí gửi trả giấy tờ được cấp, có gửi kèm phong bì ghi rõ địa chỉ nơi nhận để cơ quan cấp giấy tờ gửi trả kết quả;

c) Bổ sung quy định trong trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ gốc hộ tịch thì điện xác minh với cơ quan đại diện để có cơ sở cấp bản sao giấy tờ hộ tịch cho công dân;

d) Thời hạn xử lý: Trường hợp Cục Lãnh sự đã nhận được sổ hộ tịch gốc và giấy tờ hồ sơ đầy đủ thì giải quyết ngay trong ngày; Trường hợp Cục Lãnh sự chưa nhận được sổ hộ tịch gốc thì thời hạn xử lý là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

11. Cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam tại Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-084929-TT

- Thay thế thủ tục cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam hiện nay bằng thủ tục cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam khác dựa trên văn bản quy phạm pháp luật thay thế Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05/10/2001 của Bộ Ngoại giao.

- Thay thế các biểu mẫu kèm theo Thông tư 2461/2001/TT-BNG (phụ lục I, II và V).

12. Cấp giấy xác nhận ưu đãi cho người Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-095910-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này và các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu điều kiện kèm theo.

13. Cấp hộ chiếu ngoại giao tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076318-TT

a) Bổ sung, sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đối với người thuộc diện quy định tại điểm 1.a mục V của Thông tư số 02/2008/TT-BNG như sau: “Cơ quan cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài của người đề nghị thuộc diện quy định tại điểm 1.a Mục V Thông tư này gửi văn bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư cho cơ quan đại diện hoặc cho Bộ ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện”;

b) Quy định mẫu Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở nước ngoài để phù hợp với mục đích yêu cầu của từng loại công việc (không chung với Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn bổ sung, sửa đổi hộ chiếu hiện nay);

c) Bổ phần xác nhận trong Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

14. Cấp hộ chiếu công vụ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076777-TT

a) Bổ sung, sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đối với người thuộc diện quy định tại điểm 1.a mục V của Thông tư số 02/2008/TT-BNG: “Cơ quan cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài của người đề nghị thuộc diện quy định tại điểm 1.a Mục V Thông tư này gửi văn bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư cho cơ quan đại diện hoặc cho Bộ ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện”;

b) Ban hành mẫu Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở nước ngoài để phù hợp với mục đích yêu cầu của từng loại công việc (không chung với Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn bổ sung, sửa đổi hộ chiếu hiện nay);

c) Bổ phần xác nhận trong Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

15. Nhóm các thủ tục: Gia hạn hộ chiếu ngoại giao tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076869-TT; Gia hạn hộ chiếu công vụ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-077362-TT

a) Sửa đổi quy định về việc hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị 30 ngày mới được gia hạn theo hướng như sau: “Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng dưới 6 tháng thì người được cấp hộ chiếu có thể đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hộ chiếu hết hạn thì phải làm thủ tục cấp hộ chiếu mới”;

b) Bỏ Tờ khai đề nghị gia hạn hộ chiếu. Hồ sơ gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ chỉ cần hộ chiếu còn giá trị kèm theo văn bản cử hoặc quyết định cho tiếp tục công tác ở nước ngoài đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 3 Mục III Thông tư số 02/2008/TT-BNG;

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thành ngay trong ngày trong trường hợp cơ quan đại diện không cần phải tiến hành xác minh.

16. Nhóm các thủ tục: Cấp lại hộ chiếu ngoại giao do làm hỏng, mất tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-077386-TT; Cấp lại hộ chiếu công vụ do làm hỏng, mất tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-077619-TT

- Áp dụng các nội dung đơn giản hóa tương tự như thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao ở nước ngoài;

- Trường hợp làm hỏng hộ chiếu mà vẫn còn hộ chiếu cũ thì căn cứ vào hộ chiếu cũ để cấp hộ chiếu mới. Trường hợp mất hộ chiếu thì phải có văn bản xác nhận mất hộ chiếu của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.

17. Nhóm các thủ tục: Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu ngoại giao tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-077658-TT; Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu công vụ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-077699-TT

a) Quy định mẫu Tờ khai đề nghị sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (bao gồm cả việc bổ sung trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu) không sử dụng chung như hiện nay. Nội dung Tờ khai chỉ nêu những thông tin thật cần thiết phục vụ cho công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ, bỏ xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp;

b) Bỏ quy định xuất trình quyết định công nhận giám hộ (nếu có) đối với trẻ em được bổ sung vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ;

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thành ngay trong ngày trong trường hợp cơ quan đại diện không cần phải tiến hành xác minh.

18. Cấp hộ chiếu phổ thông lần đầu tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-077759-TT

a) Bổ sung quy định về việc sau thời hạn 45 ngày làm việc, nếu không nhận được thông báo của cơ quan chức năng trong nước thì thủ trưởng cơ quan đại diện có quyền quyết định cấp hay không cấp hộ chiếu cho người đề nghị;

b) Ban hành mẫu Tờ khai kèm theo Thông tư sửa đổi Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG.

19. Cấp lại hộ chiếu phổ thông (do bị mất, bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng, tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ), hoặc hộ chiếu còn thời hạn nhưng có nhu cầu cấp đổi tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-078132-TT

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp phải xác minh theo hướng như sau:

“Trong trường hợp không đủ căn cứ để cấp lại hộ chiếu cần phải điện về nước xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an”;

b) Bổ sung quy định về việc sau thời hạn 45 ngày làm việc, nếu không nhận được thông báo của cơ quan chức năng trong nước thì thủ trưởng cơ quan đại diện có quyền quyết định cấp hay không cấp hộ chiếu cho người đề nghị;

c) Bổ sung, sửa đổi quy định: Đối với trường hợp đề nghị cấp lại hộ chiếu thì đương sự nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đại diện và có thể nhận hộ chiếu qua bưu điện hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận.

20. Bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phổ thông (điều chỉnh họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, giới tính, số giấy chứng minh nhân dân trong hộ chiếu), hoặc bổ sung trẻ em dưới 14 tuổi vào hộ chiếu Việt Nam của cha hoặc mẹ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-078166-TT

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp phải xác minh, sửa lại trong quy định như sau: “Trong trường hợp không đủ căn cứ để bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của các cơ quan chức năng”;

b) Bổ sung quy định: Đối với trường hợp đề nghị bổ sung, sửa đổi hộ chiếu thì đương sự nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đại diện và có thể nhận hộ chiếu qua bưu điện hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận.

21. Cấp giấy thông hành tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-078207-TT

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp phải xác minh, sửa lại quy định như sau: “Trong trường hợp không đủ căn cứ để cấp giấy thông hành phải tiến hành xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an”;

b) Đề nghị bổ sung quy định trong Thông tư liên tịch: “Hồ sơ cấp giấy thông hành cho đối tượng bị buộc phải về nước thì không cần Tờ khai đề nghị của đương sự”.

22. Cấp giấy miễn thị thực tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-078258-TT

Bỏ quy định người chưa được cấp hộ chiếu nước ngoài thì phải có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp.

23. Đăng ký công dân, cấp giấy xác nhận đã đăng ký công dân - B-BNG-078662-TT

Thay thủ tục “Đăng ký công dân, cấp giấy xác nhận đã đăng ký công dân” hiện nay bằng thủ tục “Đăng ký công dân”:

- Hồ sơ đăng ký công dân bao gồm “Phiếu đăng ký công dân” và bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam.

- Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện.

- Bãi bỏ mẫu Tờ khai, đơn, yêu cầu điều kiện để cấp giấy xác nhận đăng ký công dân.

24. Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam - B-BNG-078679-TT

a) Ban hành mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh áp dụng cho công dân Việt Nam ở nước ngoài đăng ký tại cơ quan đại diện;

b) Ban hành mẫu Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con trong trường hợp đứa trẻ có cha hoặc mẹ là người nước ngoài và Giấy thỏa thuận không cần có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài;

c) Các mẫu Tờ khai, Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch bằng 2 thứ tiếng Việt và tiếng Anh.

25. Đăng ký khai sinh quá hạn cho người sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam - B-BNG-076523-TT

a) Quy định sử dụng biểu mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh (chỉ sử dụng cho công dân Việt Nam ở nước ngoài đăng ký tại cơ quan đại diện).

Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì phải có giấy cam đoan việc sinh và có người làm chứng;

b) Quy định sử dụng biểu mẫu Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con trong trường hợp đứa trẻ có cha hoặc mẹ là người nước ngoài. Giấy thỏa thuận không cần có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài;

c) Bổ sung quy định: việc đăng ký khai sinh quá hạn đối với người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Luật Dân sự phải do đương sự trực tiếp thực hiện.

Các mẫu Tờ khai, Giấy thỏa thuận lựa chọn quốc tịch bằng 2 thứ tiếng Việt và tiếng Anh.

26. Đăng ký lại việc sinh cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076571-TT

a) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết: Nếu đủ giấy tờ hợp lệ không phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày như đăng ký khai sinh lần đầu;

b) Sửa đổi, bổ sung Tờ khai: Bỏ yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký khai sinh trước đây trong mẫu Tờ khai.

27. Đăng ký lại việc tử cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076676-TT

a) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết: Nếu đủ giấy tờ hợp lệ và không phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày như đăng ký việc tử lần đầu;

b) Bỏ yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký khai tử trước đây trong mẫu Tờ khai.

28. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076724-TT

Bỏ yêu cầu phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây trong Tờ khai.

29. Nhóm thủ tục: Đăng ký việc nhận cha, mẹ giữa người nhận đã thành niên và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài - B-BNG-076757-TT; Đăng ký việc nhận cha, mẹ giữa người nhận chưa thành niên và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài - B-BNG-076790-TT

a) Bổ sung, sửa đổi mẫu Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ: thêm mục các giấy tờ, tài liệu kèm theo để làm bằng chứng (nếu có) để cơ quan giải quyết biết được bằng chứng kèm theo là gì (có đồ vật không thể lưu cùng hồ sơ);

b) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: “Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”.

30. Đăng ký việc nhận con giữa người nhận và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài - B-BNG-076963-TT

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về việc nộp giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao) của người con: “Giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao) của người con nếu đã làm thủ tục đăng ký khai sinh”;

b) Bổ sung thêm mục: Các giấy tờ, tài liệu kèm theo để làm bằng chứng (nếu có) để cơ quan giải quyết biết được bằng chứng kèm theo là gì (có đồ vật không thể lưu cùng hồ sơ) vào mẫu Tờ khai đăng ký nhận con;

c) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: “Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”.

31. Đăng ký việc giám hộ giữa công dân Việt Nam với nhau cư trú ở nước ngoài, hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài - B-BNG-077015-TT

a) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết như sau: “Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc”;

b) Sửa đổi mẫu Giấy cử người giám hộ: mục “Họ tên người cử giám hộ” thành “Họ tên người cử giám hộ hoặc đại diện cho những người cử giám hộ:...”.

32. Cấp giấy phép nhập cảnh thi hải/di hải - B-BNG-077237-TT

a) Ban hành quy định cụ thể về việc cấp giấy phép nhập cảnh thi hải, di hải như: đối tượng được đưa thi hải/di hải vào Việt Nam, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ tương tự như thủ tục hành chính đang thực hiện. Bổ sung quy định cần có ý kiến đồng ý của chính quyền địa phương nơi dự định chôn cất thi hải;

b) Bổ sung phần tiếng Anh của mẫu Đơn xin phép nhập cảnh thi hải/di hải (số 05/NG-LS);

c) Bổ sung Mẫu Đơn đề nghị cho phép đưa thi hải về chôn cất tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) và hình thức thông báo cho cơ quan đại diện nhằm tạo thuận lợi cho người đề nghị.

33. Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài - B-BNG-077280-TT

a) Sửa đổi quy định phải nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực hộ chiếu, giấy tờ thay hộ chiếu, hộ khẩu, giấy chứng nhận cư trú... của người nước ngoài trong thành phần hồ sơ thành nộp bản sao hoặc bản chụp các giấy tờ đó và xuất trình bản chính để đối chiếu là đủ;

b) Có thể điều chỉnh theo thủ tục đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài ở trong nước cho thống nhất.

34. Cấp lại bản chính giấy khai sinh đã đăng ký khai sinh tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076539-TT

- Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết của thủ tục cấp lại bản chính giấy khai sinh. Trong thành phần hồ sơ chỉ cần nộp bản sao hoặc bản chụp chứng minh nhân dân, hộ chiếu và xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Trường hợp đương sự xuất trình bản sao giấy khai sinh thì cơ quan đại diện căn cứ vào sổ hộ tịch gốc, cấp lại bản chính giấy khai sinh ngay trong ngày.

- Trường hợp ủy quyền, nếu đương sự chứng minh được mối quan hệ gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) với người ủy quyền, thì không cần giấy ủy quyền.

35. Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch cho công dân Việt Nam đã đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký các sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076568-TT

a) Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về thủ tục cấp lại bản sao giấy tờ hộ tịch như: thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, cách giải quyết qua đường bưu điện.

b) Ban hành mẫu Tờ khai phù hợp với thực tiễn tại cơ quan đại diện.

36. Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-076618-TT

a) Quy định mẫu Tờ khai đang thực hiện kèm theo văn bản quy phạm pháp luật;

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết việc ghi vào sổ hộ tịch và cấp giấy tờ hộ tịch theo biểu mẫu của Việt Nam trong văn bản quy phạm pháp luật.

37. Chứng thực Hợp đồng, di chúc, giấy ủy quyền, các đoạn trích tài liệu, bản sao, bản chụp các giấy tờ tài liệu, bản dịch ở nước ngoài - B-BNG-076804-TT

Bỏ Phiếu đề nghị trong thành phần hồ sơ.

38. Thủ tục hồi hương (đăng ký thường trú ở Việt Nam) - B-BNG-077719-TT

a) Bãi bỏ thủ tục hành chính này theo hướng sửa đổi Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG. Đối với người có quốc tịch Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài và có đủ điều kiện được cấp hộ chiếu phổ thông thì cơ quan đại diện xem xét và cấp hộ chiếu Việt Nam cho đương sự để về Việt Nam làm thủ tục đăng ký thường trú trực tiếp với cơ quan chức năng ở trong nước (nếu có nhu cầu) theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BCA-C11 ngày 01/7/2007 của Bộ Công an;

b) Bổ sung quy định về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài sau khi được đăng ký thường trú ở Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế khi di chuyển tài sản mà không cần phải có Giấy thông hành hồi hương như hiện nay. Có thể áp dụng hình thức hoàn thuế sau khi họ được đăng ký thường trú ở trong nước.

39. Cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam - B-BNG-077738-TT

Áp dụng biện pháp đơn giản hóa tương tự như thủ tục Cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam tại Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài.

40. Cấp giấy xác nhận ưu đãi cho người Việt Nam ở nước ngoài - B-BNG-085440-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này và các mẫu đơn, tờ khai, yêu cầu điều kiện kèm theo.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Trách nhiệm Bộ Ngoại giao

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 8, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy chế quản lý và sử dụng Hộ chiếu ngoại giao, công vụ ở trong nước và ở nước ngoài, trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại điểm d, khoản 1, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

- Xây dựng Thông tư mới bãi bỏ Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03 tháng 6 năm 1999 của Bộ ngoại giao về thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ tài liệu để hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ về hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 8, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định của Chính phủ về hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự.

- Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư số 02/2008/TT-BNG ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản từ 1 đến 7 và các khoản từ 13 đến 17, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư mới thay thế các quy định có liên quan tại Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 05 tháng 10 năm 2001 hướng dẫn thực hiện Điều 1, Quyết định số 114/2001/QĐ-TTG ngày 31 tháng 7 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 210/1999/QĐ-TTG ngày 27 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, trong đó quy định về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết việc cấp giấy xác nhận người gốc Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 11, 12, 39 và 40, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn giải quyết việc cấp giấy phép nhập cảnh thi hải/di hải để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 32, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư mới thay thế các quy định có liên quan tại Quyết định số 713/NG-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ ngoại giao sửa đổi “Quy định tạm thời về thủ tục đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài” để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 23, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

2. Trách nhiệm Bộ Công an

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các điểm a, c, đ của khoản 1, điểm b của khoản 2, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Quyết định số 135/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 22, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG ngày 15 tháng 5 năm 2009 hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú ở Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 38, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 06 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 18, 19, 20 và 21 của mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

3. Trách nhiệm Bộ Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 24, 25, 26, 27, 28, 30 và khoản 34, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định để sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại điểm a và b của khoản 33, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BTP-BNG hướng dẫn thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 9, 10, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 34, 35 và 36, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

4. Trách nhiệm Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng Danh sách các cơ quan nhà nước tương đương cấp Tổng cục để thuận tiện cho việc xét cấp hộ chiếu ngoại giao để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại điểm b của khoản 1, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

5. Trách nhiệm Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng Thông tư sửa đổi các quy định có liên quan Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận

lãnh sự để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 8 mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định của Chính phủ về hợp pháp hóa lãnh sự và chứng nhận lãnh sự.

- Ban hành quy định về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài sau khi được đăng ký thường trú ở Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế khi di chuyển tài sản mà không cần phải có Giấy thông hành hồi hương như hiện nay; Có thể áp dụng hình thức hoàn thuế sau khi họ được đăng ký thường trú ở trong nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 38, mục I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011./.